

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009; Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi chung là các Tổng cục) và Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính (sau đây gọi chung là các đơn vị khác thuộc Bộ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền hướng dẫn cơ chế, chính sách và ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Hướng dẫn các cơ chế, chính sách do Nhà nước ban hành trong lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung và ban hành chế độ, tiêu

chuẩn, định mức trong từng lĩnh vực phù hợp với quy định chung của Nhà nước để thực hiện thống nhất trong nội bộ ngành.

1.2. Quy định danh mục tài sản đặc thù trong các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ.

Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì xây dựng danh mục trình Bộ trưởng xem xét, quyết định; riêng lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì xây dựng trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các Tổng cục và Thủ trưởng các đơn vị khác thuộc Bộ:

2.1. Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Bộ Tài chính đã hướng dẫn, ban hành theo quy định tại mục 1.1, khoản 1 Điều này cho phù hợp với đặc thù của đơn vị và để thống nhất thực hiện trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Ban hành định mức trang bị và sử dụng tài sản đặc thù (số lượng, giá trị, thông số kỹ thuật...) đối với các loại tài sản đặc thù theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại mục 1.2, khoản 1 Điều này để thống nhất thực hiện trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Các văn bản nêu trên phải gửi Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính hoặc Cục Tin học và Thống kê tài chính - đối với lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch mua sắm tài sản:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động tổng thể, dài hạn, 5 năm của Bộ Tài chính trong lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ để thực hiện chủ trương, chiến lược phát triển của Nhà nước theo từng giai đoạn.

1.2. Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng dài hạn, trung hạn (5 năm) và phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xây dựng của các Tổng cục và các đơn vị khác thuộc Bộ theo quy định của pháp luật làm căn cứ quyết định đầu tư xây dựng, bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng.

1.3. Phê duyệt kế hoạch 5 năm về ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Tài chính, của các Tổng cục và các đơn vị khác thuộc Bộ.

1.4. Phê duyệt kế hoạch (vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với nguồn vốn chi hỗ trợ đầu tư xây dựng của các Tổng cục thực hiện các dự án đầu tư và các dự án cải tạo sửa chữa (làm tăng quy mô) có tổng mức đầu tư từ 5.000 triệu đồng trở lên.

Thông báo danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hàng năm (vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung) được cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Tài chính.

1.5. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm dài hạn, hàng năm đối với tài sản trang bị cho các Tổng cục, gồm: Xe ô tô các loại; Tàu và ca nô các loại; Máy soi các loại của ngành Hải quan; Hệ thống camera giám sát của ngành Hải quan; Các tài sản đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức trang bị.

1.6. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm dài hạn, hàng năm đối với tài sản trang bị cho các đơn vị khác thuộc Bộ, trừ các nội dung sau do Thủ trưởng đơn vị quyết định, gồm: Mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản; Mua sắm các loại công cụ, dụng cụ; Sửa chữa, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị.

1.7. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm (trừ nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị) của các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ.

Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì xây dựng, thẩm định trình Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các nội dung nêu trên (trừ nội dung 1.3 do Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì thẩm định trình Bộ trưởng).

2. Thủ trưởng các Tổng cục:

2.1. Phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động tổng thể, dài hạn, trung hạn (5 năm) của Tổng cục và của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động của Bộ Tài chính đã được Bộ trưởng phê duyệt.

2.2. Phê duyệt kế hoạch (vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với nguồn vốn chi hỗ trợ đầu tư xây dựng của Tổng cục thực hiện các dự án đầu tư và các dự án cải tạo sửa chữa trong hệ thống (trừ các dự án quy định tại mục 1.4, khoản 1 Điều này).

2.3. Phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt: kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm hàng năm đối với các tài sản trong hệ thống (trừ các tài sản quy định tại mục 1.5, khoản 1 Điều này); kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị của các đơn vị trong hệ thống.

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) để kiểm tra, giám sát và quản lý, hoặc gửi Tổng cục (trong trường hợp phân cấp cho Thủ trưởng các đơn vị cấp dưới phê duyệt).

Điều 3. Về lĩnh vực quản lý tài chính:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Xây dựng báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Phê duyệt và lập phương án phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Tài chính được Nhà nước giao để báo cáo Bộ Tài chính (cơ quan tài chính) thẩm tra.

1.3. Quyết định kế hoạch và nội dung sử dụng đối với các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ chung của ngành.

Cục Kế hoạch - Tài chính có nhiệm vụ tổng hợp, thẩm định trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt, quyết định những nội dung nêu trên.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

2.1. Giao dự toán, điều chỉnh dự toán cho các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính và cấp 3 thuộc Bộ Tài chính.

2.2. Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị phân bổ ngân sách cấp 1 trong việc thực hiện triển khai hệ thống Tabmis; quản lý, theo dõi việc phân bổ dự toán, thực hiện dự toán trong hệ thống Tabmis của các đơn vị thuộc Bộ theo các nội dung chi sau:

- a. Vốn đầu tư xây dựng Nhà nước giao.
- b. Dự toán chi thường xuyên, giao thực hiện tự chủ.
- c. Dự toán chi hỗ trợ đầu tư xây dựng.
- d. Dự toán chi cải tạo, sửa chữa lớn.
- đ. Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin.
- e. Dự toán chi mua sắm tài sản.
- f. Dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù.
- g. Dự toán chi đoàn ra.
- h. Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.
- i. Dự toán chi nghiên cứu các đề tài khoa học.
- j. Dự toán chi khác (ngoài các nội dung dự toán trên).

2.3. Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách hàng năm đối với các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính; Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm đối với các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc Bộ Tài chính.

2.4. Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính để báo cáo Bộ Tài chính (cơ quan tài chính) xem xét, thẩm định.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính:

Thực hiện xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, trong đó:

3.1. Được quyết định giao, điều chỉnh dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc đơn vị.

3.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về nhập số liệu phân bổ ngân sách của toàn bộ các đơn vị dự toán trực thuộc vào hệ thống Tabmis theo đúng quy định của Bộ Tài chính, đảm bảo thực hiện quản lý, theo dõi thống nhất các nội dung dự toán trong hệ thống Tabmis như quy định tại mục 2.2, khoản 2 Điều này.

4. Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục trưởng các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố (nơi có tổ chức Chi cục Hải quan là đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng ngân sách):

Thực hiện xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, của cơ quan quản lý cấp trên, trong đó:

4.1. Được giao, điều chỉnh dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc đơn vị.

4.2. Chịu trách nhiệm phối hợp với đơn vị dự toán cấp trên cung cấp hồ sơ, tài liệu để thực hiện nhập số liệu phân bổ dự toán vào hệ thống Tabmis.

5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 3 (đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách): Thực hiện xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, của cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 4. Về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Quyết định đầu tư xây dựng các dự án (trừ các dự án quy định tại khoản 2, 3 Điều này).

1.2. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án nhóm A.

1.3. Báo cáo Bộ Tài chính (cơ quan tài chính) về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính theo quy định.

Cục Kế hoạch - Tài chính thẩm định, tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định các nội dung nêu trên.

1.4. Ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính tổ chức thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư (trừ dự án nhóm A).

1.5. Quyết định Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm tập trung thuộc Cục Kế hoạch - Tài chính.

2. Thủ trưởng các Tổng cục:

2.1. Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án nhóm B.

2.2. Quyết định (hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực tiếp quyết định) đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo, sửa chữa. Trường hợp ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực tiếp quyết định đầu tư xây dựng thì trước khi quyết định, Thủ trưởng đơn vị được ủy quyền quyết định đầu tư phải được

người ủy quyền (Thủ trưởng các Tổng cục) chấp thuận bằng văn bản về nguồn vốn đầu tư và phương án quy hoạch và kiến trúc.

2.3. Căn cứ tình hình thực tế quản lý và năng lực quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị để quyết định thành lập (hoặc không thành lập) Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban này tại đơn vị mình để quản lý vốn đầu tư xây dựng.

2.4. Thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm của các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính (cơ quan tài chính) theo quy định.

3. Thủ trưởng các đơn vị khác thuộc Bộ:

3.1. Giám đốc Học viện Tài chính, Hiệu trưởng, Giám đốc các Trường thuộc Bộ Tài chính: Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo, sửa chữa. Trước khi quyết định đầu tư phải được Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) chấp thuận bằng văn bản về nguồn vốn đầu tư và phương án quy hoạch và kiến trúc.

3.2. Thủ trưởng các đơn vị khác: Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án cải tạo, sửa chữa không làm tăng quy mô của đơn vị.

4. Cấp quyết định đầu tư xây dựng các dự án theo phân cấp tại Điều này chịu trách nhiệm về việc đảm bảo nguồn vốn khi quyết định đầu tư (phê duyệt dự án) theo quy định của pháp luật.

5. Chủ đầu tư xây dựng công trình:

5.1. Cấp quyết định đầu tư quy định tại Điều này quyết định cụ thể chủ đầu tư (không giao cấp Chi cục làm chủ đầu tư xây dựng công trình).

5.2. Đối với từng dự án cụ thể, chủ đầu tư phải thành lập Ban quản lý dự án hoặc quyết định thuê tư vấn quản lý dự án phù hợp theo quy định của pháp luật về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Riêng quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản các công trình thuộc Bộ giao Cục Kế hoạch - Tài chính làm chủ đầu tư và Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm tập trung thuộc Cục Kế hoạch - Tài chính được quản lý vốn đầu tư xây dựng theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm tập trung.

5.3. Chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan cấp trên của chủ đầu tư về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 5. Về lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Phê duyệt chủ trương mua, nhận chuyển giao quyền sử dụng đất (hoặc trụ sở làm việc) cho các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ.

1.2. Quyết định thu hồi tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ sử dụng sai mục đích, không đúng quy định của pháp luật.

1.3. Quyết định điều chuyển tài sản là bất động sản (nhà, đất và bao gồm cả quyền sử dụng đất) giữa các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

1.4. Quyết định điều chuyển tài sản được hình thành sau khi dự án đầu tư xây dựng do Cục Kế hoạch - Tài chính thực hiện cho đơn vị được giao quản lý, sử dụng.

1.5. Quyết định bán tài sản không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các Tổng cục, đơn vị khác thuộc Bộ.

1.6. Quyết định thanh lý tài sản là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các Tổng cục, đơn vị khác thuộc Bộ (trừ các trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này).

1.7. Quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

1.8. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc Bộ để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính (quản lý Nhà nước).

Cục Kế hoạch - Tài chính có nhiệm vụ thẩm định các nội dung nêu trên trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. Đối với các tài sản vượt thẩm quyền xử lý của Bộ trưởng, Cục Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định trình Bộ trưởng để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

2.1. Quyết định thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các đơn vị khác thuộc Bộ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập).

2.2. Quyết định thu hồi các tài sản do sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng, vượt tiêu chuẩn, định mức quy định của Nhà nước và của Bộ đối với: Xe ô tô; Tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi từ 5 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các Tổng cục, dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị khác thuộc Bộ.

2.3. Quyết định điều chuyển xe ô tô và tài sản là động sản khác giữa các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ trên cơ sở đề nghị của các bên có liên quan theo chế độ quy định.

2.4. Quyết định bán tài sản trên cơ sở phương án xử lý được Bộ trưởng phê duyệt: Xe ô tô các loại; Động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán

tại thời điểm bán từ 5 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các Tổng cục, từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị khác thuộc Bộ.

2.5. Quyết định thanh lý tài sản là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 5 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các Tổng cục, dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị khác thuộc Bộ (trừ các trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này).

2.6. Quyết định thanh lý tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị khác thuộc Bộ.

3. Thủ trưởng các Tổng cục:

3.1. Quyết định việc mua, nhận chuyển giao quyền sử dụng đất (hoặc trụ sở làm việc) theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt.

3.2. Quyết định thuê trụ sở làm việc, quyết định (hoặc phân cấp quyết định) thuê tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định của Nhà nước về thuê trụ sở làm việc, tài sản khác.

3.3. Quyết định (hoặc phân cấp quyết định) thu hồi tài sản (trừ nhà, đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản do sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Nhà nước, của Bộ.

3.4. Quyết định (hoặc phân cấp quyết định) điều chuyển các tài sản trong phạm vi Tổng cục. Riêng tài sản là xe ô tô: Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố được sắp xếp, điều chuyển xe ô tô trong phạm vi đơn vị quản lý, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhưng phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức của Bộ, đồng thời có trách nhiệm báo cáo Tổng cục việc sắp xếp, điều chuyển để theo dõi, quản lý.

3.5. Quyết định (hoặc phân cấp quyết định) bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3.6. Quyết định (hoặc phân cấp quyết định) thanh lý tài sản nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất mượn của địa phương do không còn nhu cầu sử dụng để trả lại đất cho địa phương) trừ các trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

3.7. Quyết định (hoặc phân cấp quyết định) thanh lý toàn bộ tài sản là động sản bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác trong Tổng cục.

3.8. Được Bộ trưởng uỷ quyền:

a. Quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả xác định giá trị tài sản nhà nước theo quy định.

b. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

4. Thủ trưởng các đơn vị khác thuộc Bộ:

4.1. Quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của Nhà nước về thuê trụ sở làm việc, tài sản khác (áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập).

4.2. Quyết định thuê tài sản khác (không bao gồm trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định của Nhà nước về thuê tài sản khác (áp dụng đối với các đơn vị không phải là đơn vị sự nghiệp công lập).

4.3. Quyết định bán, thanh lý tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán, thanh lý dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4.4. Bộ trưởng ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định sử dụng tài sản nhà nước được giao vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trên cơ sở chủ trương của Bộ.

4.5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định sử dụng tài sản nhà nước được giao vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại mục 4.4 Điều này).

5. Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

6. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp thuộc Bộ quyết định thanh lý nhà cửa, vật kiến trúc theo quy hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc bị hư hỏng do thiên tai gây ra.

Điều 6. Về lĩnh vực kiểm tra, kiểm toán nội bộ:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ hàng năm của Bộ.

1.2. Quyết định kiểm tra, kiểm toán nội bộ đột xuất các đơn vị, cá nhân do Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra đột xuất các đơn vị, cá nhân do Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì tổ chức thực hiện.

1.3. Quyết định xử lý kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ của các đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng.

1.4. Giải quyết khiếu nại đối với các kết luận, kiến nghị kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Cục Kế hoạch - Tài chính ban hành, các kết luận, kiến nghị kiểm tra do Cục Tin học và Thống kê tài chính ban hành.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính:

2.1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra, kiểm toán nội bộ hàng năm do Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì thực hiện theo kế hoạch đã được Bộ trưởng phê duyệt.

2.2. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán do Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì tổ chức thực hiện.

2.3. Giải quyết khiếu nại đối với các kết luận, kiến nghị kiểm tra, kiểm toán nội bộ do các Tổng cục ban hành.

3. Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính:

3.1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm do Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì thực hiện theo kế hoạch đã được Bộ trưởng phê duyệt.

3.2. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra đối với các đơn vị được kiểm tra do Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì tổ chức thực hiện.

3.3. Giải quyết khiếu nại đối với các kết luận, kiến nghị kiểm tra công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin do các Tổng cục ban hành.

4. Thủ trưởng các Tổng cục:

4.1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra, kiểm toán nội bộ hàng năm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch đã được Bộ trưởng phê duyệt.

4.2. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra, kiểm toán đối với các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán nội bộ do đơn vị tổ chức thực hiện.

4.3. Giải quyết khiếu nại đối với các kết luận, kiến nghị kiểm tra, kiểm toán nội bộ do đơn vị cấp dưới trực tiếp ban hành (nếu có).

Điều 7. Về lĩnh vực quản lý ứng dụng công nghệ thông tin:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.1. Quyết định đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin: nhóm A; các dự án liên quan đến nhiều đơn vị của ngành tài chính; các dự án không uỷ quyền cho Thủ trưởng các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ quyết định đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này.

1.2. Phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B, C của các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ (trừ trường hợp các dự án này đã có trong kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt).

Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các nội dung trên.

1.3. Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại mục 1.1 Điều này. Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì thẩm tra trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

1.4. Ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị khác thuộc Bộ (trừ các đơn vị quy định tại mục 2.2 và 2.3 Điều này).

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ:

2.1. Thủ trưởng các Tổng cục:

a. Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B, C trong phạm vi Tổng cục.

b. Phê duyệt (hoặc ủy quyền) cho đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sử dụng ngân sách phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi Tổng cục.

c. Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại tiết a, mục 2.1 Điều này. Vụ Tài vụ quản trị thuộc các Tổng cục chủ trì thẩm tra trình Thủ trưởng các Tổng cục xem xét, quyết định.

2.2. Giám đốc Học viện Tài chính, Hiệu trưởng, Giám đốc các Trường thuộc Bộ Tài chính:

a. Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C trong phạm vi đơn vị.

b. Bộ trưởng ủy quyền phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi đơn vị.

c. Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại tiết a, mục 2.2 Điều này. Đơn vị chuyên môn về tài chính-kế toán thuộc đơn vị chủ trì thẩm tra trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định.

2.3. Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính:

a. Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C (trừ các dự án quy định tại mục 2.2 Điều này).

b. Bộ trưởng ủy quyền phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi đơn vị.

c. Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại tiết a, mục 2.3 Điều này. Đơn vị chuyên môn về tài chính-kế toán thuộc Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì thẩm tra trình Cục trưởng xem xét, quyết định.

3. Chủ đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin:

3.1. Cục Tin học và Thống kê tài chính là Chủ đầu tư đối với: Dự án ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Tài chính do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư; Dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Bộ trưởng quyết định đầu tư;

Dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính quyết định đầu tư theo uỷ quyền.

3.2. Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin thuộc các Tổng cục là Chủ đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Thủ trưởng các Tổng cục quyết định đầu tư theo uỷ quyền.

3.3. Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin (là đơn vị dự toán) thuộc Học viện Tài chính, các Trường thuộc Bộ là Chủ đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Thủ trưởng đơn vị quyết định đầu tư theo uỷ quyền.

3.4. Bộ trưởng quyết định giao nhiệm vụ Chủ đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn, nguồn kinh phí hỗn hợp của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính hoặc của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính với cơ quan, tổ chức bên ngoài do Bộ Tài chính thực hiện.

3.5. Trường hợp không có đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin hoặc đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin không đủ điều kiện về tổ chức, nhân lực hoặc do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của dự án và các điều kiện cần thiết khác: Bộ trưởng, Người được uỷ quyền quyết định đầu tư lựa chọn đơn vị hoặc tổ chức thuộc Bộ Tài chính có đủ điều kiện làm Chủ đầu tư hoặc tự làm Chủ đầu tư. Chủ đầu tư dự án không được đồng thời là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định dự án.

3.6. Trường hợp không xác định được Chủ đầu tư theo quy định trên: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Người được uỷ quyền quyết định đầu tư có thể uỷ thác cho đơn vị, tổ chức không thuộc Bộ Tài chính có đủ điều kiện làm Chủ đầu tư.

Điều 8. Về thực hiện mua sắm tập trung:

1. Đối tượng, điều kiện mua sắm tập trung:

1.1. Đối tượng:

- a. Xe ô tô các loại.
- b. Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin.
- c. Máy phát điện; Máy soi các loại của ngành Hải quan; Hệ thống camera giám sát của ngành Hải quan.
- d. Trang phục.
- đ. In, mua: Ấn chỉ, niêm phong, sách, tài liệu phục vụ tuyên truyền, lịch.
- e. Công cụ hỗ trợ, vũ khí quân dụng.
- f. Trang thiết bị văn phòng (máy photocopy, máy điều hoà nhiệt độ, máy fax, điện thoại, bàn, ghế, tủ).
- g. Tài sản, vật tư phục vụ nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ nhà nước.
- h. Bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm hàng hoá dự trữ nhà nước.

1.2. Việc mua sắm tập trung các tài sản, hàng hoá, dịch vụ nêu trên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Mua sắm, trang bị đồng bộ, sử dụng chung trong toàn ngành Tài chính hoặc trong toàn Tổng cục.

b. Mua sắm, trang bị đồng bộ cho nhiều đơn vị với tổng giá trị mua sắm lớn và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả hơn so với việc giao cho từng đơn vị thực hiện mua sắm riêng.

2. Thực hiện mua sắm tập trung tại Bộ Tài chính đối với:

2.1. Xe ô tô của các đơn vị khác (không bao gồm các Tổng cục) thuộc Bộ.

2.2. Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến nhiều đơn vị trong ngành Tài chính.

2.3. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác theo quyết định của Bộ trưởng.

3. Thủ trưởng các Tổng cục:

3.1. Quy định các loại tài sản, hàng hoá, dịch vụ mua sắm tập trung trong Tổng cục cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

3.2. Quy định tổ chức thực hiện mua sắm tập trung trong Tổng cục phải đảm bảo nguyên tắc: Mua sắm tập trung tại Tổng cục đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua sắm, trang bị cho các đơn vị trực thuộc. Mua sắm tập trung tại cấp Cục đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua sắm, trang bị cho các đơn vị trong phạm vi của cấp Cục.

4. Việc mua sắm tập trung thực hiện theo Quy chế mua sắm tập trung tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện:

1. Cục Kế hoạch - Tài chính:

1.1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế các văn bản hướng dẫn quy trình nghiệp vụ có liên quan cho phù hợp khi thực hiện quy định phân cấp, uỷ quyền tại Quyết định này để thống nhất thực hiện trong nội bộ ngành.

1.2. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện phân cấp, uỷ quyền quy định tại Quyết định này của các Tổng cục, các đơn vị khác thuộc Bộ.

1.3. Tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp, uỷ quyền trong các lĩnh vực quản lý cho phù hợp.

2. Thủ trưởng các Tổng cục:

2.1. Căn cứ quy định tại Quyết định này thực hiện ban hành Quyết định phân cấp, uỷ quyền các lĩnh vực quản lý nội ngành trong từng Tổng cục cho phù hợp với trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo hoàn thành trước ngày 01/10/2014. Trước khi ban hành phải báo cáo Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) xem xét, có ý kiến thống nhất về nội dung phân cấp, uỷ quyền cho cấp dưới để tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với năng lực của từng cấp làm căn cứ kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện.

2.2. Hướng dẫn, cụ thể hoá các quy trình nghiệp vụ do Bộ Tài chính ban hành cho phù hợp để thống nhất thực hiện trong Tổng cục.

2.3. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện phân cấp, uỷ quyền các lĩnh vực quản lý của các cơ quan, đơn vị trong Tổng cục.

2.4. Kịp thời đề xuất báo cáo Bộ trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp, uỷ quyền trong các lĩnh vực quản lý cho phù hợp.

3. Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp, uỷ quyền quy định tại Quyết định này:

3.1. Chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, uỷ quyền.

3.2. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Bộ trưởng về việc khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo trong việc thực hiện các lĩnh vực quản lý của đơn vị.

3.3. Nghiêm túc chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.


Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014, thay thế Quyết định số 148/QĐ-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính và bãi bỏ Quyết định số 874/QĐ-BTC ngày 06/04/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Bộ Tài chính và Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của các Tổng cục.

Điều 11. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị khác thuộc Bộ, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 11;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục DTNN khu vực, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, KHTC. (265)

BỘ TRƯỞNG



Đinh Tiến Dũng